

Bản án số: 35/2018/HNGĐ - ST

Ngày: 09-5-2018.

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC - TỈNH BẾN TRE

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Kim Sang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Diễm Sương

2. Ông Dương Ánh Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Diễm Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre: Bà Trần Thị Xuân Lan – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 09 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 57/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2018 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1996, địa chỉ: ấp Tân L, xã K, huyện M, tỉnh Bến Tre, có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1994, địa chỉ: ấp Tân L, xã K, huyện M, tỉnh Bến Tre, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/3/2018 và trong quá trình xét xử; nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh T trình bày:

Về hôn nhân: Trên cơ sở tự tìm hiểu quen biết nhau trước chị và anh Nguyễn Văn D tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện M, vào ngày 22/9/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến khi chị sinh con thì bắt đầu mất hạnh phúc. Nguyên nhân mất hạnh phúc là do vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm về kinh tế, tiền bạc dẫn đến thường xuyên cự cãi nhau, anh D còn tụ tập ăn nhậu bê tha, không lo lắng cho gia đình. Do bất mãn với cuộc sống hiện tại nên tháng 01/2017 chị bỏ về nhà cha mẹ ruột sống và vợ chồng bắt đầu sống ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng không có gặp gỡ nhau để hàn gắn tình cảm. Nay chị xin được ly hôn với anh D vì không còn tình cảm và chị đã cho anh D nhiều cơ hội nhưng anh D vẫn không thay đổi.

Về nuôi con chung: Trong thời gian chung sống anh chị có 01 con chung tên Nguyễn Duy T1, sinh ngày 22/5/2014, hiện đang sống với anh D. Nay ly hôn chị đồng ý để anh D tiếp tục trực tiếp nuôi cháu T1, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Trong thời gian chung sống anh chị không có tài sản chung và cũng không có nợ ai.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 27/4/2018 và trong quá trình xét xử; bị đơn anh Nguyễn Văn D trình bày:

Về hôn nhân: Anh thông nhất phần trình bày của chị T về điều kiện, thời gian kết hôn, quá trình chung sống và nguyên nhân mất hạnh phúc. Anh thừa nhận anh có nhậu nhưng anh chỉ nhậu khi vợ chồng cự cãi nhau. Vợ chồng chính thức sống ly thân từ tháng 01/2017 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng có gặp gỡ nhau nhưng chỉ là chị T đến thăm con, vợ chồng không có tìm cách hàn gắn tình cảm. Nay anh không đồng ý ly hôn với chị T vì còn tình cảm và muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Về nuôi con chung: Trong thời gian chung sống anh chị có 01 con chung tên Nguyễn Duy T1, sinh ngày 22/5/2014, hiện đang sống với anh. Nay ly hôn anh đồng ý tiếp tục trực tiếp nuôi cháu T1, anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Anh hiện làm nghề trồng lát và làm thuê thu nhập hàng tháng của cả gia đình khoảng 10 triệu đồng đủ điều kiện nuôi con.

Về chia tài sản: Trong thời gian chung sống anh chị không có tài sản chung và cũng không có nợ ai.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử là đảm bảo đúng pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đảm bảo, bị đơn không chấp hành đúng quy định pháp luật cụ thể vãng vào các lần Tòa mời công khai chứng cứ và hòa giải.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T; Về con chung: Anh D tiếp tục trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Duy T1, sinh ngày 22/5/2014, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con do anh D không có yêu cầu; Tài sản chung, nợ chung: Không có nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc nhận định:

[1] *Về hôn nhân:* Hôn nhân của chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Nguyễn Văn D là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc đến tháng 01/2017 thì bắt đầu mất hạnh phúc và chính thức sống ly thân. Nguyên nhân mất hạnh phúc là do anh chị có nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm về kinh tế, tiền bạc, anh D thường hay đi nhậu dẫn đến anh chị thường xuyên cự cãi nhau. Nay chị T xin ly hôn với anh D vì không còn tình cảm. Tại phiên tòa, anh D không đồng ý ly hôn với chị T vì còn tình cảm và muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Hội đồng xét xử thấy rằng, cuộc sống hôn nhân của vợ chồng anh D, chị T đã tồn tại khoảng 04 năm, đã có với nhau một con chung nhưng anh chị không biết vun đắp tình cảm, cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc tiến bộ mà ngược lại đã để cho những mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng nghiêm trọng, sống bỏ mặc không quan tâm nhau cụ thể trong thời gian sống ly thân anh chị không gặp gỡ nhau để tạo điều kiện hàn gắn tình cảm vợ chồng dẫn đến chị T đã nộp đơn xin ly hôn với anh D. Anh D cho rằng anh còn thương vợ thương con nên anh không đồng ý ly hôn với chị T nhưng anh lại không đưa ra được biện pháp nào thật sự thuyết phục được chị Trúc đồng ý hàn gắn tình cảm vợ chồng. Mặt khác, sau khi thụ lý Tòa án đã thông báo cho anh D đến Tòa để tham gia hòa giải nhằm tạo điều kiện cho anh chị hàn gắn nhưng anh D vẫn vắng mặt không lý do, chứng minh anh không có thiện chí hàn gắn đoàn tụ. Và tại phiên tòa chị T cương quyết được ly hôn với anh D vì không còn tình cảm. Điều đó chứng tỏ rằng cuộc sống hôn nhân của anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là có căn cứ.

[2] *Về nuôi con chung*: Chị T và anh D có 01 con chung tên Nguyễn Duy T1, sinh ngày 22/5/2014, hiện đang sống với anh D. Anh chị thống nhất sau khi ly hôn anh D là người tiếp tục trực tiếp nuôi cháu T1. Xét thấy, anh D hiện có nghề nghiệp và thu nhập ổn định đảm bảo điều kiện trực tiếp nuôi cháu T1. Vì vậy, sự thỏa thuận của các đương sự là phù hợp quy định, không trái đạo đức xã hội nên ghi nhận. Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con thì việc anh D không yêu cầu cấp dưỡng là sự tự nguyện của anh nên ghi nhận.

[3] *Về chia tài sản*: Trong thời gian chung sống anh chị không có tài sản chung và cũng không có nợ ai nên không đề cập.

[4] *Về án phí*: Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc chị Nguyễn Thị Thanh T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

[5] Xét về quan điểm giải quyết vụ án của vị Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc là phù hợp với nhận định của Tòa nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 17 Luật phí và lệ phí; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thanh T.

Chị Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn với anh Nguyễn Văn D.

2. *Về nuôi con chung*: Anh Nguyễn Văn D tiếp tục trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Duy T1, sinh ngày 22/5/2014, chị Nguyễn Thị Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con do anh Nguyễn Văn D không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. *Về chia tài sản:* Trong thời gian chung sống anh chị không có tài sản chung và cũng không có nợ ai nên không đề cập.

4. *Về án phí:*

Chị Nguyễn Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị T đã nộp theo biên lai thu số ***** ngày **/**/**** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện M (2b);
- Chi cục THADS huyện M (1b);
- UBND xã K (92, 01/2013)
- Các đương sự (2b);
- Lưu: Hồ sơ, VP (2b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoàng Kim Sang